

Năm 1959, Dịu Hương chính thức được điều động về phụ trách khoa chèo tại trường Trung cấp sân khấu điện ảnh Hà Nội. Tham gia giảng dạy 15 khoá trung cấp, 1 khoá đại học, 2 khoá giáo sinh... Sau đó bà được nghỉ hưu tại Hà Nội.

Dịu Hương đã cống hiến cả cuộc đời cho nền nghệ thuật sân khấu Việt Nam nói chung và nền nghệ thuật chèo nói riêng. Với công lao to lớn, bà đã được Đảng, Nhà nước ta phong danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân và trao tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất và nhiều bằng khen của Chính phủ và Bộ Văn hoá Thông tin tặng. Bà mất năm 1994 thọ 76 tuổi.

Dương Thanh Nghị



PHẠM THỊ THU HƯƠNG

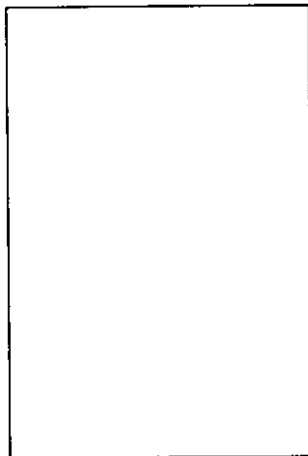
- *Tiến sĩ ngữ văn*
- Sinh: 12-01-1964
- Quê quán: Thôn 6, Phù Vân, Kim Bảng, Hà Nam.
- Trú quán: F42 A5 Tập thể quân đội Bắc Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn đại học Sư phạm Hà Nội 1981-1985. Giáo viên trường THPT Bắc Lý, Lý Nhân, Hà Nam (1985-1988). Nghiên cứu sinh Khoa Ngữ văn K10 Đại học sư phạm Hà Nội (1990)
- Tiến sĩ (1995), ngành Ngữ văn.
- Chức vụ, nơi công tác: Từ 1996 làm việc ở Trung tâm thông tin khoa học BHXH Việt Nam. Từ 2000 nghiên cứu viên tại Viện Văn học.
- Công tác, tác phẩm: *Thạch Lam, văn chương và cái đẹp* (viết chung, 1994); *Từ điển văn học* (bộ mới, in chung 2004); *Địa chí Hà Nam* (viết chung, 2005); *Nguyễn Huy Vinh với Chung Sơn di thảo* (viết chung, 2005); *Truyện ngắn Cõi mơ* (Tập chí văn nghệ quân đội, 1994); *Thơ Người đàn bà đang yêu, Bong bóng trời mưa* (Báo phụ nữ Việt Nam, 1998); *Truyện ngắn Mùi chuột* (Tập chí văn nghệ quân đội, 2000); *Truyện ngắn Mùa rau dại* (Báo Văn nghệ, 2001 được chọn in trong Tuyển tập *Truyện ngắn lãng mạn Việt Nam 2003*).
- Địa chỉ cơ quan: Viện Văn học, 20 Lý Thái Tổ, Hà Nội.
- Điện thoại: 9360476 (CQ); 7541473 (NR).

THIỆU THU HƯƠNG



- *Kiến trúc sư*
- Năm sinh: 03-07-1974
- Quê quán: Lý Nhân, Hà Nam
- Tốt nghiệp Kiến trúc sư (1996). Hội viên Hội KTS Việt Nam (1999)
- Địa chỉ: Phòng Phát triển Chính sách Kinh tế – Hà Nội (CQ); Tập thể trường Đại học

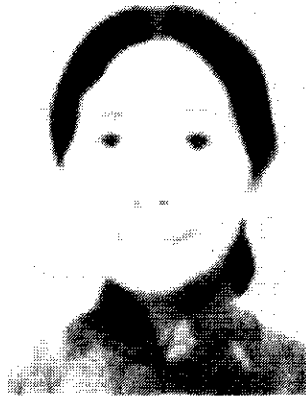
Kiến trúc – Hà Nội (NR).



TRẦN QUỐC HƯƠNG

- Ủy viên Trung ương Đảng.
- Bí danh: Mười Hương, Trần Ngọc Ban.
- Năm sinh: 1923.
- Quê quán: Vụ Bản, Bình Lục, Hà Nam.
- Trú quán: 45A, Tú Xương, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.
- Chức vụ, nơi công tác: Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư trung ương Đảng; Trung tâm Bảo vệ nội bộ Trung ương Đảng; Cục trưởng Cục An ninh; Cục trưởng Cục Tình báo Bộ Công an - Chỉ đạo tình báo chiến lược trong chống Mỹ.
- Điện thoại: 08.8 296 565.

VŨ LIÊN HƯƠNG



- *Kiến trúc sư*
- Năm sinh: 1946
- Quê quán: Hà Nam
- Kiến trúc sư (1974), Hội viên Hội KTS Việt Nam (1980)
- Địa chỉ: 49 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (CQ); 11 Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (NR).

Thành phố Hồ Chí Minh (NR).

ĐẶNG VĂN KHẢI

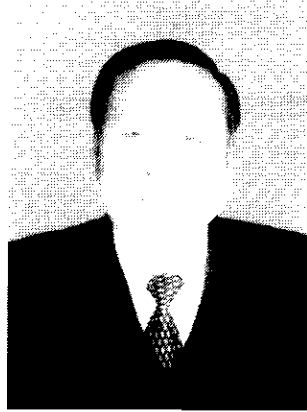
- Phó Giáo sư - Tiến sĩ Toán

Năm sinh: 1938

- Quê quán: Ngọc Sơn, Kim Bảng
- Trú quán: Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà, Hà Nội
- Chức vụ, nơi công tác: Cán bộ giảng dạy Khoa Toán, Trường Đại học Bách khoa, Hà

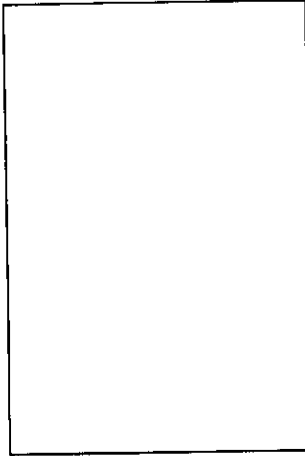
Nội. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Toán (1991).

- Công trình: *Hệ Cauchy – Riemann trong không gian nhiều chiều* (luận án Tiến sĩ).
- Điện thoại: 04.8 692 285



LÊ VĂN KHANG

- Phó Giáo sư, Tiến sĩ Y khoa, Nhà giáo ưu tú
- Năm sinh: 1942
- Quê quán: Lương Tràng, Liêm Tiết, Thanh Liêm, Hà Nam
- Trú quán: Số 97 Nguyễn Khang, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tiến sĩ Y khoa (1995); Phó Giáo sư (1996); Nhà giáo ưu tú (2000); Giảng viên cao cấp (2005).
- Công trình, tác phẩm: Góp phần nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán đặc hiệu dị ứng do kháng sinh tại khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng Bệnh viện Bạch Mai (1981 - 1990). Tham gia và chủ trì hơn 40 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có 6 đề tài cấp Bộ, thành phố; 2 đề tài cấp Nhà nước. Tham gia và chủ biên 8 tài liệu giảng dạy và phổ biến khoa học. Được tặng thưởng nhiều Huy chương và Bằng khen. Huân chương Lao động hạng Ba (2001)
- Quá trình công tác: Bí thư Đảng uỷ, Phó hiệu trưởng Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Trưởng bộ môn dị ứng, Giám đốc Trung tâm Y học gia đình Trường Đại học Y Hà Nội, Trưởng khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng Bệnh viện Bạch Mai. Trưởng bộ môn dị ứng. Hiện là Giám đốc Trung tâm đào tạo cán bộ Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam.
- Địa chỉ: Trung tâm đào tạo cán bộ Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam - 68 Bà Triệu, Hà Nội (CQ); 97 Nguyễn Khang, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội (NR).
- Điện thoại: 04.9445401 (CQ); 04.8333813 (NR); 0903.231451 (ĐD)



LƯƠNG TUẤN KHANG

- *Trung tướng, cán bộ CM trước khởi nghĩa*
- Năm sinh: 1923
- Năm mất: 1995
- Quá trình công tác: Lương Tuấn Khang (tức Nguyễn Ngọc Tân), sinh năm 1923 tại Thôn Độ Việt, Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam. Xuất thân trong một gia đình nông dân lao động nghèo, dưới chế độ thực dân phong kiến đầy

áp bức bóc lột, cha mất sớm, năm lên 9 tuổi đã phải đi ở để kiếm sống, năm 12 tuổi thoát ly gia đình đi làm thợ ở Hải Dương, Hà Nội. Cuối năm 1940, về làm công nhân ở nhà máy tơ Nam Định. Ở đây ông được giác ngộ cách mạng, rồi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở trong các xưởng thợ của tư nhân tại thành phố Nam Định. Cuối năm 1944 bị lộ, ông được tổ chức điều về hoạt động ở huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cho đến ngày cách mạng thành công. Cuối năm 1945, ông công tác tại huyện Mỹ Lộc sau đó về công tác tại huyện Ý Yên và được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Tháng 11 năm 1946 ông được điều vào quân đội giữ chức Chính trị viên Trung đội. Từ 1947-1954 là Chính trị viên Đại đội 21, Đại đội 36, Đại đội 77, Trung đoàn 34 rồi chính trị viên Tiểu đoàn Pháo binh Liên khu 3, Đảng ủy viên sư đoàn, sau đó là Phó Chính ủy, Chính ủy Trung đoàn 64, Bí thư Đảng ủy Trung đoàn và Đảng ủy viên Sư đoàn 320. Năm 1955 là Phó Chính ủy Sư đoàn 320, Bí thư Đảng ủy Sư đoàn. Năm 1958 sau khi đi học ở nước ngoài về ông được giao giữ chức Chính ủy Sư đoàn 320, Bí thư Đảng ủy Sư đoàn. Năm 1959 được chỉ định làm Khu ủy viên khu ủy Tả Ngạn. Năm 1969 là Chính ủy Bộ tư lệnh Hải quân và Quân khu Đông Bắc. Năm 1970 là Phó

Chính ủy Quân khu Tả Ngạn, Thường vụ Quân khu ủy; năm 1976 là Phó Chính ủy Quân khu 3, sau đó là Phó Tư lệnh chính trị Quân khu, phó Bí thư rồi Bí thư Đảng ủy Quân khu. Năm 1988 ông được Nhà nước cho nghỉ hưu.

Ông được phong quân hàm cấp Thiếu tướng năm 1979, cấp Trung tướng năm 1986.

Hơn 50 năm liên tục chiến đấu và công tác, từ hoạt động bí mật đến công khai, trải qua nhiều khó khăn gian khổ, Lương Tuấn Khang luôn thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, dũng cảm mưu trí trong chiến đấu, nhiệt tình tận tụy trong công tác, luôn chăm lo xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân.

Do những cống hiến xuất sắc, ông Lương Tuấn Khang đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhì; Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; Ba huân chương Chiến sĩ vẻ vang (hạng Nhất, Nhì, Ba); Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; Huy hiệu 40 năm và 50 năm tuổi Đảng.

Lương Hiền

LÊ ĐĂNG KHÁNG

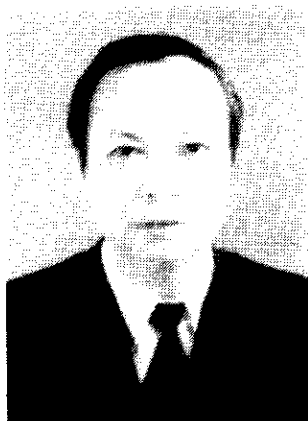


- *Nhà văn*
- Năm sinh: 08/12/1947
- Quê quán: Kim Bảng, Hà Nam
- Chức vụ, đơn vị công tác: Phó trưởng ban Văn, Hội Văn nghệ Đồng Nai. Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.
- Vài nét về quá trình học tập, công tác, sáng tác: Đi bộ đội từ năm 1966. Năm 1976 về học Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 12/1980 đến tháng 12/2004 công tác biên tập tại Nxb Đồng Nai. Hiện đã nghỉ hưu.
- Tác phẩm chính đã xuất bản: *Vàng trắng nơi thiên đường* (tiểu thuyết, 1991); *Tiếng chim mắc nợ* (thơ, 1992); *Kẻ đánh thuế đời mình* (tập truyện, 1997); *Vùng sáng trước mặt* (tập truyện, 2002); *Đến hẹn* (thơ, 2004); *Hoa cúc ổi* (tiểu thuyết, 2006).
- Giải thưởng văn học: Giải 3 cuộc thi truyện ký về đề tài lâm nghiệp do Hội Nhà văn Việt Nam và Bộ Lâm nghiệp tổ chức năm 1981; Giải ba cuộc thi truyện ngắn Hội Văn nghệ Đồng Nai năm 1995; Giải khuyến khích cuộc thi thơ Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm, và một số giải thưởng về báo chí.



LÊ HUY KHANH

- *Nhà văn*
- Năm sinh: 10-08-1945
- Quê quán: Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam
- Nguyên sĩ quan QĐND Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1986).
- Quá trình công tác: Trong kháng chiến chống Mỹ, Lê Huy Khanh tham gia quân đội chiến đấu trên chiến trường miền Nam và Campuchia. Với quân hàm cấp tá, Lê Huy Khanh chuyển ngành về công tác tại TP Hồ Chí Minh.
- Tác phẩm đã xuất bản: *Hai vùng quê* (truyện ngắn, 1985); *Ốc đảo hồi sinh* (1987), *Một cuộc đời bình dị* (1988), *Thời gian nghiệt ngã* (1989), *Định mệnh* (1990), *Người cũ trở về* (1991), *Bạn lính* (1994)
- Địa chỉ: Chi nhánh báo *Văn nghệ* tại TP Hồ Chí Minh.



NGUYỄN CÔNG KHANH

- *Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo nhân dân.*
- Năm sinh: 12-09-1935
- Quê quán: Thôn Kiều, Tiên Tân, Duy Tiên, Hà Nam
- Bác sĩ y khoa (1961) Tiến sĩ Y khoa (1987); Phó giáo sư (1991); Giáo sư (1996); Nhà giáo Nhân dân (1998); Chiến sĩ thi đua Toàn quốc.
- Quá trình công tác: Làm công tác giảng dạy đại học, trên đại học tại trường Đại học Y khoa Hà Nội từ năm 1961 đến nay. Đã tham gia đào tạo nhiều thế hệ thầy thuốc là bác sĩ, Thạc sĩ, Phó tiến sĩ, Tiến sĩ; Đã hướng dẫn 21 luận án Tiến sĩ, 36 luận văn Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp 2.
- Công trình, tác phẩm: Là chủ biên, biên soạn 24 sách chuyên đề, sách giáo khoa, sách tham khảo về Nhi khoa cho ngành và sách hướng dẫn chăm sóc sức khỏe trẻ em tại nhà; Đã có 162 công trình nghiên cứu khoa học, đăng, báo cáo ở các tạp chí và các hội nghị khoa học trong nước và nước ngoài.
- Chức vụ, nơi công tác: Viện trưởng Bệnh Viện nhi khoa Trung ương; Phó Chủ nhiệm Bộ môn Nhi khoa, Đại học Y khoa Hà Nội; Phó chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Nhi khoa Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Khoa học Kỹ thuật Bộ Y tế; Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học New York, Hoa Kỳ. Ủy viên ban cố vấn nhi khoa Châu Á Thái Bình Dương. Tổng biên tập Tạp chí Nhi khoa.
- Địa chỉ: Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Bệnh Viện Nhi Khoa Trung ương, Hà Nội (CQ); Số 1, ngách 55/38 phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (NR).
- Điện thoại: 04.7 750 657 (CQ); 04.8 587 418 (NR). ĐD:0913.232.725
- Fax: 04.8 347 448; Email: nguyencongkhanh@yahoo.com.vn



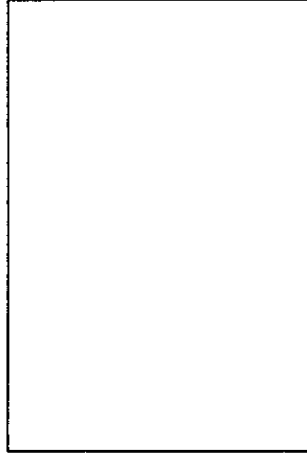
MAI KHÁNH

- *Nhà nghiên cứu văn nghệ dân gian*
 - Bí danh: Tam Mai
 - Năm sinh: 1954
 - Quê quán: Thôn Hoàng Xá, Trịnh Xá, Bình Lục, Hà Nam
 - Trú quán: Tổ 1, Phường Minh Khai, TX Phủ Lý.
- Nhà nghiên cứu Văn nghệ dân gian. Hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (1995).
 - Công trình, tác phẩm: Có bài trong 4 cuốn sách được xuất bản: *40 năm văn hoá nghệ thuật Việt nam* (Bộ VH TT); *Hải Hậu 10 năm một chặng đường văn hoá* (Sở VH TT Hà Nam Ninh); *Đô thị cổ Hội An* (kỷ yếu hội nghị khoa học Sở VH TT QN-ĐN); *Thời Trần* (Sở VH Nam Hà). Viết nhiều bài trên các báo, tạp chí Trung ương và địa phương.
 - Chức vụ, nơi công tác: Giám đốc Bảo tàng tỉnh Hà Nam.
 - Điện thoại: 0351.853 384

TRẦN CÔNG KHÁNH

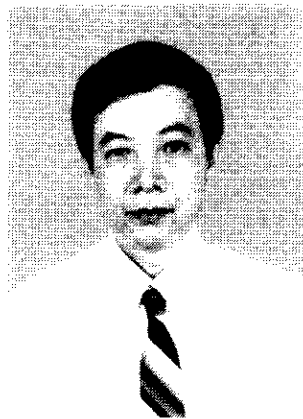


- Phó Giáo sư, Tiến sĩ KH, Nhà giáo ưu tú
- Năm sinh: 02-08-1936 tại Nam Định
- Quê quán: Thôn Cao Đà, Nhân Mỹ, Lý Nhân, Hà Nam
- Trú quán: Số 9, Phố Vũ Hữu Lợi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Dược sĩ cao cấp (1960); Tiến sĩ (1971); Tiến sĩ khoa học (1985) tại Trường Đại học Tổng hợp Humboldt Berlin (CHDC Đức); Phó giáo sư dược học (1991); Nhà giáo ưu tú (1997).
- Quá trình công tác: Thiếu sinh quân liên khu 4 (1949-1951); Sinh viên Trường Đại học Y Dược Hà Nội (1954-1959); Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Dược Hà Nội (Từ 1960 đến nay); Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây thuốc dân tộc cổ truyền (CREDEP) (Từ 1993 đến nay); Phó Chủ tịch Hội Thực vật học Việt Nam (Từ 1997 đến nay); Phó Chủ tịch Hội Dược học Hà Nội (Từ 1998 đến nay); Ủy viên BCH Hội các ngành Sinh học Việt Nam (Từ 1998 đến nay).
- Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba (1985); Huy chương Vì sức khỏe nhân dân (1992); Huy chương Vì thế hệ trẻ (1994); Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục (1996); Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ (1998, 2000); Huy chương Vì sự nghiệp Công đoàn (2003); Giải thưởng môi trường (2001)
- Chức vụ, nơi công tác: Trường Đại học Dược Hà Nội.



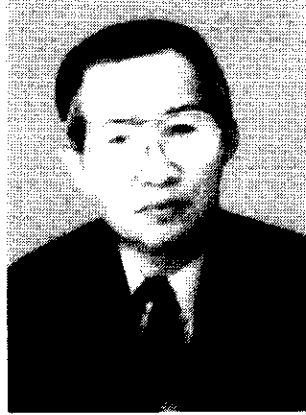
PHẠM NGỌC VŨ KHIÊM

- *Nghệ sĩ Nhiếp ảnh*
- Năm sinh: 1953
- Quê quán: Hà Nam
- Trú quán: 339/28 Bis Lê Văn Sĩ, phường 13, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0908.639835 (DD).



NGUYỄN VĂN KHÔI

- Phó Giáo sư, Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý
- Năm sinh: 24 - 10 - 1953
- Quê quán: Yên Bắc - Duy Tiên - Hà Nam
- Trú quán: P5-H12 Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 1997 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ngành Tâm lý - Sư phạm. Phó Giáo sư 2002.
- Quá trình công tác: Tốt nghiệp Khoa Kỹ thuật công nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I. Chủ nhiệm Khoa sư phạm kỹ thuật. Hiện là Trưởng phòng tổ chức cán bộ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Công trình, tác phẩm: Chủ trì 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. 3 đề tài cấp trường. Chủ nhiệm dự án cấp trường về triển khai việc đổi mới phương pháp dạy học bộ môn. Tổng chủ biên và chủ biên bộ sách giáo khoa môn công nghệ THPT. Chủ biên và tham gia biên soạn trên 20 giáo trình, tài liệu, sách giáo khoa cho sinh viên, giáo viên và học sinh phổ thông về dạy học bộ môn công nghiệp ở đại học, cao đẳng và phổ thông. Đã công bố trên 40 bài báo, báo cáo khoa học trên các Tạp chí khoa học.



NGUYỄN ANH KIẾT

- *Tiến sĩ Toán học*
- Năm sinh: 08 - 04 - 1939
- Quê quán: Tiên Tân - Duy Tiên - Hà Nam
- Trú quán: 201 B3b Tập thể Đồng Xa, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Quá trình công tác: Cán bộ giảng dạy Toán Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Bảo vệ

luan án PTS (nay là Tiến sĩ) năm 1973 tại Trường Đại học Tổng hợp Matxcova (Liên Xô cũ), ngành Toán, chuyên ngành Tôpô - Hình học. Hiện là giảng viên chính Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

- Công trình, tác phẩm: Đồng tác giả các giáo trình: *Đại số tuyến tính và hình học giải tích. Nhóm ngành 1*, Đại học Quốc gia Hà Nội - *Đại học Đại cương; Toán đại cương phần 1; Đại số tuyến tính và hình học giải tích - Bài tập* - NXB Quốc gia Hà Nội. Có một số bài đăng trên các Tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
- Khen thưởng:
 - Huy chương chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.
 - Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.



VŨ DUY KHƯƠNG

- *Thầy thuốc ưu tú*
- Năm sinh: 23-03-1926
- Quê quán: Phố Phương Lâm, Châu Kỳ Sơn, Hoà Bình
- Trú quán: Tổ 2, Phường Minh Khai, T. X Phủ Lý, Hà Nam
- Bác sĩ Y khoa (1960); Bác sĩ chuyên khoa cấp II (1976); Thầy thuốc ưu tú (1995).
- Quá trình công tác: Là học trò xuất sắc của Giáo sư Tôn Thất Tùng. Đã có 7 đề tài khoa học kỹ thuật và sáng kiến thực dụng trong khi chuẩn đoán và giải phẫu tim mạch tại bệnh viện cơ sở cấp tỉnh, huyện. Trong thời gian chống Mỹ ác liệt là người đầu tiên mổ tim mạch ở bệnh viện dã ngoại tỉnh và huyện. Đã trực tiếp mổ 9 ca tim mạch, cứu sống được người bệnh, được giáo sư Tôn Thất Tùng khen ngợi và gọi biệt danh là “Đại đao đồng bằng” và các cấp khen thưởng.
- Chức vụ, nơi công tác: Phó Giám đốc Bệnh viện Hà Nam (về hưu).
- Điện thoại: 0351.851 751 (NR).

ĐỖ KÍCH



- *Họa sĩ*
- Năm sinh: 1946
- Quê quán: Liêm Thuận, Thanh Liêm, Hà Nam
- Trú quán: Liêm Thuận, Thanh Liêm, Hà Nam
- Tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật (1979-1984).
Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam. Hội viên Hội VHNT Hà Nam.
- Các tác phẩm chủ yếu, giải thưởng: *Đi Riu* (1997) - Giải Nhất triển lãm Mỹ thuật Hà Nam, *Chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV* - Giải Ba tranh cổ động tỉnh Hà Nam, *Các thế hệ cùng chung sống* (1998) - Giải Ba cuộc thi vẽ tranh quốc tế, *Lên đồng* (1999) - Giải C của UBTQ LH các Hội VHNT Việt Nam, *Vào vụ* (2000) - Giải nhất triển lãm Mỹ thuật Hà Nam, *Chiều muộn* (2001) - Giải B khu vực Đồng bằng sông Hồng, giải Nguyễn Khuyến năm 1996-2000, *Bác Hồ về với đồng chiêm* (2002) - Giải nhì triển lãm Mỹ thuật tỉnh Hà Nam, *Hà Nội 12 ngày đêm 1972* - Giải thưởng đồng hạng Bảo tàng lịch sử QS Việt Nam, *Thợ già thợ trẻ* - Giải đồng hạng ngành công nghiệp Việt Nam, Triển lãm cá nhân do tổ chức phi Chính phủ Đan Mạch tài trợ, *Chiến đấu đến cùng* (2003) - Giải đồng hạng Bảo tàng lịch sử QS Việt Nam, *Cùng chung chiến hào Điện Biên năm xưa* (2004) - Giải A khu vực Sông Hồng - Giải Ba Hội Mỹ thuật Việt Nam, *Mùa xuân và những người lính* - Huy chương Đồng (Giải 5 năm của BQP, 2000-2004), *Đêm hành quân* (2005) - Giải B khu vực sông Hồng, Huy chương Đồng triển lãm Mỹ thuật toàn quốc. Có nhiều tranh lưu tại Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam và các nhà sưu tập nước ngoài.
- Điện thoại: 0351.886194.



ĐINH TRUNG KIÊN

- Phó Giáo sư, Tiến sĩ Sử học
- Năm sinh: 12 - 5 - 1954
- Quê quán: Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam
- Trú quán: Số 12 ngõ 71/11B Nguyễn Quý Đức, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 1993 tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chuyên ngành Sử học
- Quá trình công tác: Tham gia bộ đội chiến trường khu 5. Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội. Cán bộ giảng dạy khoa Sử - Đại học Tổng hợp Hà Nội. Phó chủ nhiệm Khoa du lịch học từ năm 1996. Hiện là Chủ nhiệm Khoa Du lịch học - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - ĐHQG Hà Nội. Hội viên Hội Sử học Việt Nam. Hội viên Hiệp hội du lịch Việt Nam. Hội viên Hiệp hội du lịch Hà Nội
- Sách đã xuất bản: *Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa*, tập I và III (đồng tác giả) (1993-1995); *Án Độ hôm qua và hôm nay* - 1995; *Việt Nam Tổ quốc mến yêu* (đồng tác giả) - 1996; *Lịch sử văn minh nhân loại* (đồng tác giả) - 1997; *Almanach những nền văn minh thế giới* (đồng tác giả) - 1995, 2006; *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch* - (1999, 2000, 2002, 2003, 2004, 2006) *Tủ sách hướng nghiệp ngành du lịch* (đồng tác giả) (2005, 2006, 2007) *Tôi chọn nghề* (đồng tác giả) 2007. *Một số vấn đề về du lịch* (2004-2006). *Văn minh Đông Nam Á 2006. Tìm hiểu văn minh Đông Nam Á 2007...* Trên 70 bài đăng trên các Tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành.
- Địa chỉ: (CQ) 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: (CQ) 048.588.591 - 8584605 (NR)048.543.076

ĐD: 0913.236.966



PHẠM MẠNH KIỂM

- *Tiến sĩ Bảo vệ thực vật*
- Năm sinh: 1963
- Quê quán: Long Xuyên, Nhân Mỹ, Lý Nhân, Hà Nam.
- Trú quán: Hà Nội
- Bảo vệ luận án Phó tiến sĩ (nay là Tiến sĩ) ngành Bảo vệ thực vật (Cộng hoà Uzbekistan, Liên Xô cũ, 1997).

- Công trình đã in:
 - *Synthesis of natural compounds of the pheromone of moths and their analogs.*- Dokl. AN Uzbek, No 6, 1996.
 - *Electroantenographical and flight-tunnel studies of the interaction of compounds of moth's pheromone.*- Dokl. AN Uzbek, No 7, 1996.
- Nơi công tác: Công ty bảo vệ thực vật Sài Gòn, Chi nhánh Hà Nội.
- Địa chỉ: 310 A12, khu tập thể Nghĩa Tân, Hà Nội (NR).



NGÔ DOÃN KINH

- *Họa sĩ*
- Năm sinh: 24-04-1942
- Quê quán: La Sơn, Bình Lục, Hà Nam.
- Trú quán: 34 Linh Quang, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội.
- Tốt nghiệp ĐH Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội; Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam (1979).
- Giải Mỹ thuật: Huy chương Bạc triểm lãm Tiểu thủ Công nghiệp Toàn quốc lần II 1987; Giải Nhì ngành Trang trí 1997; Giải Ba 1998 - Khu vực Hà Nội (ngành Trang trí) do Hội Mỹ thuật Việt Nam tổ chức.
- Tác phẩm chính: *Bộ pha cà phê và bộ uống rượu* - Gốm nâu; *Gạch hoa kiến trúc* - Gốm, 1976; *Phù điêu Hoà Bình* - Sa mốt (80 x 150cm), 1980; *Hội mùa* - Tranh ghép gốm nâu (160 x 320cm), 1982; *Đất quê hương* - Gốm nâu; *Bình Cẩm hoa* - Sành nâu.
- Chức vụ, nơi công tác: Chánh văn phòng Hội Mỹ thuật Việt Nam.
- Điện thoại: 04.8 234 926

LÊ ĐÌNH KÝ



- Kiến trúc sư
- Năm sinh: 20 - 8 - 1950
- Trú quán: Phường Hai Bà Trưng, Phủ Lý, Hà Nam
- Tốt nghiệp Đại học Kiến trúc Hà Nội. Đại học Kinh tế. Cử nhân chính trị.
- Quá trình công tác:

- 1979-1982: Đội phó Đội công trình xây dựng Duy Tiên

- 1982-1990: Trưởng phòng xây dựng công nghiệp Duy Tiên, Huyện uỷ viên.

- 1990-1994: Giám đốc Công ty xây dựng Nam Hà, Bí thư Đảng uỷ Công ty.

- 1994-1996: Giám đốc nhà máy xi măng Kiện Khê, Nam Hà, Huyện uỷ viên huyện Thanh Liêm.

- 1997- nay: Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hà Nam, Uỷ viên Ban chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam. Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam.



NGUYỄN THÀNH LAI

- *Thiếu tướng*
- Năm sinh: 12 -1927
- Quê quán: Thôn Thành, Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam.
- Trú quán: Tập thể K72A Bộ Tư lệnh Pháo binh, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội
- Quá trình công tác: Năm 1945 tham gia hoạt động cách mạng ở địa phương, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền. Sau đó vào bộ đội liên tục chiến đấu chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ biên giới phía Bắc. Ở Binh chủng Pháo binh, rồi được điều về làm Phó tư lệnh Đặc khu Quảng Ninh.
- Chức vụ, cấp bậc, nơi công tác: Thiếu tướng (1987), Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng quân khu III (nghỉ hưu - 1989).
- Điện thoại: 04.8 327 075



PHAN VĂN LAI

- *Thiếu tướng Công an*
- Năm sinh: 25-10-1930
- Nguyên quán: Phương Định, Trực Ninh, Nam Định
- Quê ngoại: Trác Văn, Duy Tiên, Hà Nam
- Chức vụ, nơi công tác: Thiếu tướng, Bí thư Đảng uỷ, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng, Chánh thanh tra Bộ Công an (đã nghỉ hưu).
- Quá trình công tác: Tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi, năm 1948 là cán bộ Huyện đoàn thanh niên huyện Trực Ninh; năm 1949 là cán bộ công an tỉnh Hà Nam; Năm 1962 là Phó văn phòng Công an tỉnh Hà Nam. Sau khi quân Pháp chiếm đóng tỉnh Hà Nam, năm 1951 đồng chí được cử vào công tác vùng địch hậu trong mũi chỉ đạo công tác phá tề trừ gian, chống địch đánh phá cơ sở cách mạng, bảo vệ các chiến dịch lớn.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cuối năm 1962 đồng chí được Bộ quyết định vào chiến trường Trị Thiên - Huế. Năm 1967 là Chánh văn phòng Ban an ninh khu Trị Thiên - Huế. Suốt 13 năm chiến đấu ở một chiến trường khói lửa khắc nghiệt. Trải qua các thời kỳ đấu tranh với kẻ thù vô cùng gian khổ ác liệt và hy sinh, đồng chí vẫn bền gan chịu đựng, kiên trì bám trụ, chiến đấu đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1968 đồng chí được phân công tham gia trong đội hình lực lượng an ninh mũi tiến công phía tây nam Huế là một địa bàn tập trung nhiều cơ quan đầu não của Mỹ, Ngụy ở Huế. Suốt 26 ngày đêm quân ta làm chủ TP Huế, đồng chí đã cùng đồng đội chiến đấu, tiêu diệt một số tên ác ôn ngoan cố, chống đối, trong đó có 1 Phó tỉnh trưởng Thừa Thiên, truy lùng và

bắt sống một số tên cầm đầu Ngụy quyền đảng phái phản động cấp tỉnh, cấp Trung ương và tình báo CIA nguy hiểm, thu nhiều tài liệu tối mật của các cơ quan tình báo, cảnh sát, bình định, chiêu hồi đảng phái phản động phục vụ công tác đánh địch và bảo vệ nội bộ.

Trong chiến dịch giải phóng Trị Thiên - Huế 1975, đồng chí được phân công tham gia trong đội hình lực lượng an ninh mũi tiến công phía Tây TP Huế, đã cùng đồng đội kịp thời và chiếm lĩnh các cơ quan đầu não của Mỹ, Ngụy như trụ sở Ngụy quyền Bắc Trung Nguyên trung phân, Tòa tỉnh trưởng, Ty cảnh sát, Nhà lao Thừa Phủ, đặc biệt là nhà ở, nơi làm việc và trung tâm thẩm vấn của CIA... thu nhiều tài liệu rất quan trọng phục vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Năm 1976 đồng chí được điều về Bộ Nội vụ, được đề bạt Phó Vụ trưởng Vụ nghiên cứu tổng hợp, Phó Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ. Năm 1988 được cử làm Phó Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng, sau đó được điều làm Chánh thanh tra Bộ Công an đến lúc nghỉ hưu. Hiện nay là Trưởng ban liên lạc cán bộ Công an Hà Nam thời kỳ chống Pháp (ở Hà Nội).

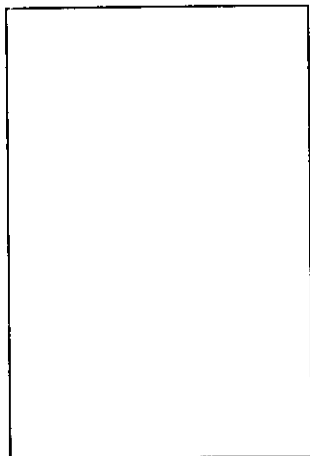
- Khen thưởng: Được nhiều Huân, Huy chương trong chiến đấu. Huân chương Độc lập hạng Nhì.
- Địa chỉ: Số B16 Tập thể Bộ Công an, Ngõ Giếng, p Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: 069.42130



NGUYỄN THỊ KIM LAN

- *Thầy thuốc ưu tú*
- Bí danh: Thanh Hà
- Năm sinh: 18-05-1945
- Quê quán: Đại Cương, Kim Bảng, Hà Nam
- Quá trình công tác: Khi còn nhỏ theo học ở các trường phổ thông huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam; Từ năm 1961-1964: Học trường chuyên nghiệp Trung cấp Dược Trung ương Hà Nội; Từ năm 1964-1967: Đi chiến trường. Dược sĩ Đại học (1980). Thầy thuốc ưu tú (1997).
- Công trình nghiên cứu: Có 3 công trình nghiên cứu đã được đăng tại Tập san dược học Việt Nam: *Pha chế dung dịch chống đông bằng phương pháp hoá lý để lấy máu hàng loạt kịp thời phục vụ cấp cứu. Điều chế nước cất bằng phương pháp trao đổi Ion để pha chế các loại huyết thanh dùng trong cấp cứu. Chiết xuất các dược chất ở dược liệu đông y thành cao lỏng để pha chế theo đơn và bào chế các dạng thuốc cao đơn hoàn tán và 15 sáng cải tiến hiện đang được áp dụng trong các bệnh viện.*
- Khen thưởng: 3 Huân chương, 3 Huy chương, 17 Bằng khen trong đó có Bằng khen của Chủ tịch nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Bằng khen của Trung ương Đoàn Trung ương Hội PNVN, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng; Bằng lao động sáng tạo do Tổng liên đoàn cấp. Năm 1999 được đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3.
- Chức vụ, nơi công tác: Phó giám đốc Sở Y tế Hà Nam.
- Điện thoại: 0351.852 729 (CQ); 0351.851 597 (NR).

ĐẶNG HUNG LÂM



- *Nhà giáo ưu tú*
- Năm sinh: 1942
- Quê quán: Thanh Hóa
- Biên soạn 6 giáo trình của trường Trung học Thủy lợi I. 15 năm là giáo viên giỏi, được thưởng Huân chương lao động hạng 3 và nhiều huy chương khác. Nhà giáo ưu tú (1992)
- Địa chỉ: Giáo viên trường Thủy lợi I (nghỉ hưu ở xã Thanh Châu, Phủ Lý, Hà Nam).



NGUYỄN NHƯ LÂM

- *Thầy thuốc ưu tú*
 - Năm sinh: 10 - 5 - 1951
 - Quê quán: Xã Ngọc Sơn, Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
 - Trú quán: Phủ Lý - Hà Nam
 - Chuyên môn: Bác sĩ, Cử nhân chính trị
 - Ngày vào ngành: Tháng 8/1969
-
- Thầy thuốc ưu tú (15/11/2005).
 - Khen thưởng: Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba. Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Bằng khen của UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương. Huân chương Lao động hạng 3.
 - Chức vụ công tác: Giám đốc Sở Y tế Hà Nam. Hiện nay là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.
 - Địa chỉ: UBND tỉnh Hà Nam.
 - Điện thoại: CQ: 0351.852615
NR: 0351.851503
DD: 0913.289080



BÀNG BÁ LÂN

- *Nhà thơ*
- Năm sinh: 1916 tại Tân Ninh, Phủ Lạng Thương, Bắc Giang
- Mất năm: 1989
- Nguyên quán: Làng Đôn Thư, Bình Lục, Hà Nam.

• Quá trình công tác: Thuở nhỏ học tại trường Vôi ở Phủ Lạng Thương, sau về Hà Nội học trường Bưởi (Trường Trung học bảo hộ), học xong trung học ông về quê làm chủ đồn điền của gia đình. Từ năm 1939, ông viết và đăng thơ trên các báo xuất bản ở Hà Nội. Sau năm 1954 ông di cư vào Sài Gòn. Tại đây ông làm nghề dạy học tại các trường trung học tư thục và sáng tác văn chương, có thời gian làm chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san *Bông Lúa* (Sài Gòn 1956).

Thơ Bàng Bá Lân là tiếng nói mộc mạc của làng quê Việt Nam, khơi lên từ những con đường làng quanh co, cái cổng tre núp mình bên những hàng tre rười rượi bóng mát trong những trưa hè vắng lặng. Hình ảnh những tiếng sáo diều trong những chiều lộng gió từ lâu vẫn còn một ấn tượng sâu đậm trong lòng những người xa xứ.

Những câu thơ của ông:

“ Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi...”

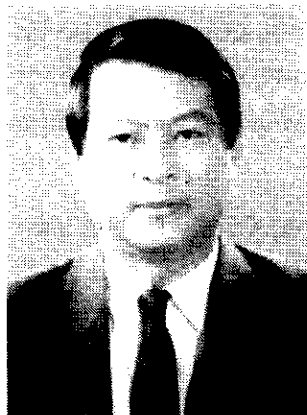
(Trong tập “*Tiếng thông reo*”, 1941)

từ lâu đã trở thành dân ca, ít người biết tên tác giả.

Tiếng thơ Bàn Bá Lân khiến lòng người bồi hồi và lưu luyến về những hình ảnh nên thơ của đồng nội với hương cau, hương bưởi ngọt ngào nơi chôn rau cắt rốn. Thơ ông vì vậy sẽ sống mãi với hồn quê dân tộc.

- Các tác phẩm của ông gồm có: *Tiếng thông reo* (Thơ, 1941); *Thơ Bàn Bá Lân* (1957); *Tiếng võng đưa* (Thơ, 1957); *Việt văn bình giảng* (Phân tích văn chương, 1962); *Văn thi sĩ hiện đại* (Hồi ký phê bình, 1963); *Vào Thu* (Thơ, 1969); *Người vợ câm* (Truyện, 1969); *Vực xoáy* (*Gàn bát sách*) (Tập truyện, 1969).

Theo Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam



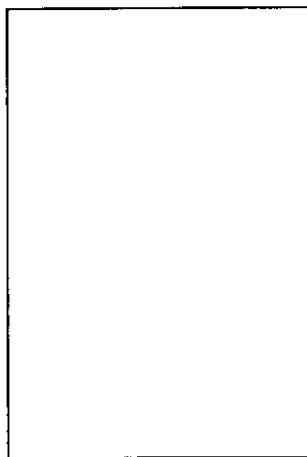
PHẠM HOÀNG LÂN

- *Giáo sư - Tiến sĩ Khoa học trắc địa, Nhà giáo ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh.*
- Năm sinh: 1945
- Quê quán: Dũng Kim, Hợp Lý, Lí Nhân, Hà Nam.
- Trú quán: Phòng 6, Nhà B5, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Tiến sĩ (1980). Tiến sĩ khoa học (1988); Giáo sư (1991) chuyên ngành Thiên văn - Trắc địa. Được phong tặng bằng Tiến sĩ danh dự Trường đại học Tổng hợp quốc gia Trắc địa - Bản đồ Maxcova (Liên bang Nga) 2004.
- Về công tác sư phạm: Đã giảng dạy Đại học tại khoa Trắc địa trường Đại học Mỏ - Địa chất từ năm 1968 đến nay được 31 năm, trong đó đã hướng dẫn 3 luận án Tiến sĩ, 9 luận án thạc sĩ, trên 100 đồ án tốt nghiệp kỹ sư. Được phong Nhà giáo ưu tú năm 2000.
- Đã biên soạn xuất bản các tài liệu giảng dạy: Giáo trình “*Trọng lực trắc địa*”, Đại học Mỏ - Địa chất, 1973; Giáo trình “*Thiên văn trắc địa*”, Đại học Mỏ - Địa chất, 1971 (đồng tác giả); Giáo trình “*Thiên văn cầu*”, Đại học Mỏ - Địa chất, 1988 (Đồng tác giả); Bài giảng “*Một số vấn đề về trắc địa và bản đồ*”, dùng cho cao học ngành Địa chất, Đại học Mỏ - Địa chất, 1996; Bài giảng “*Định vị GPS*”, dùng cho cao học ngành địa vật lý, Đại học Mỏ - Địa chất, 1996; Bài giảng “*Công nghệ GPS*” dùng cho cao học ngành Trắc địa, Đại học Mỏ - Địa chất 1996; Bài giảng “*Cơ sở trắc địa biển*”, dùng cho cao học ngành Trắc địa, Đại học Mỏ - Địa chất, 1998. “*Định vị vệ tinh dùng cho cao học ngành bản đồ*” (Năm 2000)

- Về công tác nghiên cứu khoa học: Chủ trì một số đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ: *Định vị elipxoid thực dụng. Xác định độ lệch dây dọi và vị thường độ cao* (Cấp Nhà nước, mã số 46A-01-01, 1986-1990); *Xác lập mặt khởi tính độ cao Quốc gia trên lãnh hải ven bờ của nước CHXHCN Việt Nam* (Cấp nhà nước, mã số 46A-01-03, 1986-1990); *Nghiên cứu hoàn thiện qui trình công nghệ xác định toạ độ và độ cao bằng thiết bị định vị toàn cầu GPS phục vụ quản lí lãnh thổ và lãnh hải* (Cấp Bộ, mã số B-96-36-04-TĐ, 1996-1997). *Xác định mặt biển trung bình so với mặt Geoid trên lãnh hải VN* (cấp Nhà nước). *Nghiên cứu xây dựng mô hình Geoid có độ chính xác 2cm ở VN* (cấp Nhà nước). *Nghiên cứu các giải pháp nâng cao độ chính xác đo cao GPS* (cấp Bộ) 2004-2006. Đã công bố trên 70 bài báo và báo cáo khoa học trong đó có 18 công trình công bố ở nước ngoài (Nga, Đức, Tiệp Khắc, Australia, Malixia..)
- Giải thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ năm 2005, "*đồng tác giả của công trình xây dựng hệ quy chiếu và hệ toạ độ quốc gia VN 2000*".
- Huân chương Lao động hạng 3 (2004), Huy chương Vì thế hệ trẻ 2003, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục 1996.
- Chức vụ, nơi công tác: Chủ nhiệm khoa Trắc địa (1991-2004), kiêm chủ nhiệm bộ môn Trắc địa cao cấp (1983-2006), trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Địa chỉ: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội (CQ).
- Điện thoại: 04.755.094 (CQ); 04.8563 436 (NR).

ĐD:0912.522.427

DU TỬ LÊ



- *Nhà thơ*
- Bí danh: Lê Cự Phách
- Năm sinh: 10-11-1942
- Quê quán: Hà Nam
- Theo gia đình vào Sài Gòn năm 1954, sau đó di cư sang Hoa Kỳ từ năm 1975. Ông là một nhà thơ luôn nhớ về cội nguồn quê

hương và chán ghét chiến tranh.

- Tác phẩm đã xuất bản: *Thơ Du Tử Lê* (1964); *Năm sắc diện, năm định mệnh* (1965); *Tình khúc tháng mười một* (1966); *Tay gõ cửa đời* (1970); *Chung cuộc* (cùng viết với Thảo Trường 1968); *Mắt thù* (1969); *Ngửa mặt* (1969); *Vốn liếng một đời* (1969); *Qua hình bóng khác* (1970); *Ở một đời riêng* (1972); *Khóc lẻ loi một mình* (1972).



NGUYỄN THÀNH LÊ

- Ủy viên Trung ương Đảng, Nhà báo lão thành.
 - Bí danh: Lê Thanh Thủy
 - Năm sinh: 17-06-1920
 - Quê quán: Thôn Đại Cầu, Tiên Tân, Duy Tiên, Hà Nam
 - Trú quán: Hà Nội
 - Nhà báo, Nhà cách mạng lão thành.
- Quá trình công tác: Bố ông mất sớm từ năm ông mới lên 2 tuổi. Lúc còn nhỏ ông học ở trường làng thôn Kiều sau đó chuyển lên thị xã Phủ Lý. Năm 1930 Nguyễn Thành Lê lên Hà Nội học trung học phổ thông. Ở đây ông tham gia phong trào cách mạng “Thanh niên dân chủ” sau đó đổi tên là “Thanh niên phản đế”.

Từ năm 1938, 1939 ông tham gia viết bài cho báo “Đông Pháp” tiếp sau đó ông dịch tin từ tiếng Pháp sang tiếng Việt cho tờ báo “Việt Cường” là một tờ báo tư nhân. Sau khởi nghĩa (19/8/1945), từ ngày 4/9/1945 ông làm Chủ bút báo “Độc lập” cơ quan của Đảng dân chủ Việt Nam, xuất bản 5-6 ngàn bản/ngày (báo ra 2 trang). Nội dung của báo chủ yếu chống bọn phản động Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam. Số anh em phóng viên biên tập của toà soạn khoảng 20 người. Lúc đầu trụ sở ở 33 Hùng Vương - Hà Nội, sau đó chuyển sang Phố Bà Huyện Thanh Quan, cuối cùng về 88 Nguyễn Du. Khi tờ báo ra đời, bọn quốc dân Đảng rất tức tối và tổ chức bắt ông nhưng không thành công. Ông tổ chức anh em phóng viên, biên tập viên đấu tranh trên mặt báo sôi nổi hàng ngày vạch mặt bọn phản động.

Thời gian đó ông mới 25 tuổi, ông phải để râu cho già đi. Tháng 10/1945 ông Hoàng Tùng giới thiệu ông vào Đảng Cộng

sản. Tháng 4/1950 Trung ương Đảng điều ông về làm Chủ bút báo “Cứu quốc” - Cơ quan của Tổng bộ Việt Minh. Từ tháng 8/1954 chuyển sang làm Ban biên tập báo Nhân dân. Năm 1960 làm Phó Tổng biên tập báo Nhân dân. Năm 1961 ông làm Tổng thư ký hội nhà báo Việt Nam.

Tháng 4/1975 Trung ương Đảng điều ông vào Sài Gòn làm Tổng biên tập báo “Giải phóng” - Cơ quan của Ủy ban Trung ương mặt trận giải phóng Miền Nam. Đầu tháng 2/1977 ông chuyển sang làm Phó ban thư ký thứ nhất của Ban đối ngoại Trung ương cho đến 1980 thì làm Trưởng Ban đối ngoại Trung ương. Tháng 12/1976, ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1981 ông được bầu làm uỷ viên Hội đồng Nhà nước (lúc đó đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước). Ông là đại biểu Quốc hội liên tục các khoá I, II, III. Ông được cử làm Chủ nhiệm Ủy ban đối ngoại trong Quốc hội, đến năm 1982 về làm Viện trưởng Viện Mác - Lê Nin cho đến năm 1995 được nghỉ hưu.

Sự nghiệp làm báo và cống hiến cho cách mạng của ông đầy sóng gió nhưng cũng đầy vinh quang. Năm 1954, khi hội nghị Gionevơ tại Pari diễn ra, ông được bầu làm Trưởng ban báo chí trong đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà (lúc đó đồng chí Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn).

Tại Pari (từ 1968-1975) ông làm Ủy viên đoàn phát ngôn của phái đoàn Chính phủ nước ta do đồng chí Lê Đức Thọ làm trưởng đoàn, phụ trách quan hệ với báo chí các nước đấu tranh trên mặt trận thông tin tư tưởng. Cuộc họp báo đầu tiên có khoảng 200 nhà báo quốc tế và hàng trăm hãng thông tấn, truyền hình trên thế giới tham dự bắt đầu từ ngày 25/3/1968 diễn ra thật căng thẳng và xúc động. Các nhà báo phương Tây hỏi hàng trăm câu hỏi hắc búa ông đều trả lời lưu loát nên họ rất kính nể. Ông đã chủ trì khoảng 300 cuộc họp báo quốc tế trên nước Pháp.

- Khi về hưu (tại số nhà 25 Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội) tuy già yếu nhưng ông vẫn không ngừng viết báo và bồi dưỡng thế hệ trẻ.
- Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng năm 2007.
- Tác phẩm: Ông đã cho xuất bản hàng chục tác phẩm có giá trị tiêu biểu như: *Quốc tế I* - NXB Thông tin lý luận (1982-1983); *Ánh sáng tháng 10*, NXB Sự thật (1957); *Việt Nam tiêu điểm trong chiến tranh phản cách mạng (Mỹ - Trung Quốc)* - NXB Sự thật (1985); *Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia (1998) và nhiều cuốn sách có giá trị khác.

VĨNH QUANG LÊ



- Nhà thơ, Tiến sĩ Triết học, Nhà báo
 - Tên khai sinh: Lê Quang Vinh
 - Bút danh: Nhật Nam, Đặc Công, Nguyễn Thư Hùng.
 - Năm sinh: 20/02/1953
 - Quê quán: Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam.
 - Trú quán: 51, Ô Chợ Dừa, Hà Nội.
- Tốt nghiệp ĐH Tổng hợp (ngành văn), ĐH Sân khấu điện ảnh (ngành đạo diễn), ĐH Luật; Hội viên Hội nhà văn Việt Nam (1990).
 - Quá trình công tác: Từ năm 1971-1974 Vinh Quang Lê là bộ đội đặc công. Sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp, là cán bộ nghiên cứu triết học, rồi làm đạo diễn tại Truyền hình Nhân đạo.
 - Tác phẩm đã xuất bản: *Những lời ca chưa đủ* (Trường ca, 1981); *Tốc độ lớn của tình yêu* (Trường ca, 1986); *Một trăm phút của tình yêu* (Thơ, 1989); *Dứt bỏ* (Tiểu thuyết, 1991); *Từ điển thơ tình yêu* (Biên khảo, chủ biên, 1994); *Trình nữ và bóng tối* (Thơ, 1994); *Một vé đi về ánh sáng* (Trường ca, 1996); *Chia từng hơi thở* (Thơ, 1996); *Thức dậy lúc không giờ* (Trường ca, 1996); *Những câu trả lời ngắn nhất* (Trường ca, 1996); *Giáo trình mỹ học Mác-Lênin* (2004); *Tình yêu không lời yêu* (thơ, 2007); *Gương mặt các nhà thơ* (2007); *Chân dung chính khách Việt Nam* (2007); *Chiến tranh Việt Nam – Thiên anh hùng ca của các thời đại* (2007)...
 - Nhà thơ đã được nhận Giải khuyến khích cuộc thi thơ báo Văn nghệ 1975-1976. Giải thưởng Hội Văn nghệ Hà Nội, 1976.
 - Chức vụ, nơi công tác: TBT báo Nhân đạo – Hội Chữ thập đỏ VN.



NGÔ XUÂN LỊCH

- Ủy viên Trung ương Đảng, Thiếu tướng
- Năm sinh: 1954
- Quê quán: Yên Bắc - Duy Tiên - Hà Nam
- Trú quán: Số 5 khu A tập thể văn công quân đội, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Chức vụ, cấp bậc, nơi công tác: Thiếu tướng, Chính uỷ Quân khu 3, Bộ Tư lệnh QK3, Kiến An, Hải Phòng.
- Địa chỉ: Bộ Tư lệnh QK3, Kiến An, Hải Phòng (CQ); Số 5 TT Văn công Quân đội, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội (NR).
- Điện thoại: 931.696207 (CQ); 04.7845723 (NR).



PHẠM THANH LIÊM

- *Hoạ sĩ*
- Năm sinh: 11-10-1945
- Quê quán: Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam
- Trú quán: 42 Phố Yết Kiêu, Hà Nội.
- Tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam (1979). Hiện nay là giảng viên Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt

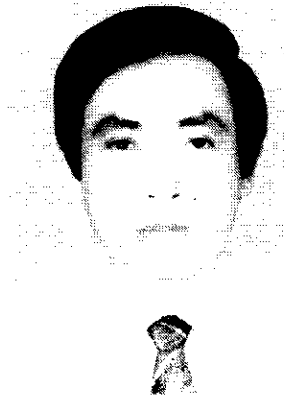
Nam.

- Tác phẩm chính: *Voi xuống núi* - Lụa (44 x 65cm) 1982. *Tự vệ khu gang thép* - Lụa (45 x 64cm) 1979, *Làng dừa Yên Sở* - Lụa (50 x 70cm) 1983; *Có Tấm* - Lụa (67 x 78cm) 1982; *Ngày mùa Định Công* - Khắc gỗ màu (40 x 50cm) 1979.
- Giải thưởng Mỹ Thuật: Giải B triển lãm Mỹ thuật Thủ đô 1983; Giải C triển lãm toàn quốc - Tổng Liên đoàn Lao động 1993; Bằng danh dự của Tổ chức Hội chữ thập đỏ Quốc tế.

Có 3 tác phẩm lưu giữ ở Bảo tàng Mỹ thuật Quốc gia Việt Nam. Một tác phẩm ở Bảo tàng cách mạng Việt Nam. Có nhiều tác phẩm lưu giữ ở sưu tập của các tổ chức và cá nhân trên thế giới.

Năm 1997 được nhận phần thưởng tài trợ của tổ chức “Freemen Foundation – USA” dự trại sáng tác nghệ thuật Vermont và triển lãm tranh lụa, biểu diễn mỹ thuật vẽ tại Mỹ (New York, New Jersey, Philadelphia, Boston).

- Nhà xuất bản Mar Quis USA đã mời in tiểu sử vào sách *Who's Who in the world (Những danh nhân thế giới)*, xuất bản năm 2000.
- Huy chương Vì sự nghiệp Văn hoá (1997). Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam (1999).

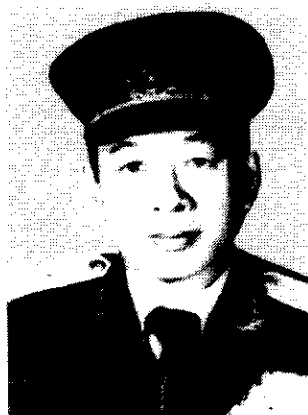


TRỊNH NGÂN LIÊN

- Nhà báo, Nghệ sĩ Nhiếp ảnh
 - Bí danh: Phương Liên, Hà Quyên, Phương Thảo.
 - Năm sinh: 10-03-1955
 - Quê quán: Yên Phong, Ý Yên, Nam Định
 - Trú quán: 17B đường Quy Lưu, thị xã Phủ Lý, Hà Nam.
- Cử nhân Báo chí (1979); Sáng tác, đạo diễn; Khoa học Xã hội, nhân văn. Hội viên Hội Nhà Báo Việt Nam (1976). Hội viên Hội văn học nghệ thuật Hà Nam. Hội viên Trung tâm văn hoá doanh nhân. Hội viên Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam. Hội viên Liên đoàn nghệ thuật nhiếp ảnh Quốc tế FIAP.
 - Giải thưởng: Huy chương vì sự nghiệp báo chí; Huy chương Vì sự nghiệp Phát thanh; Huy chương Vì sự nghiệp Truyền hình.
 - Những tác phẩm chính đã đạt giải: “Đầu vào và chất lượng chiến sĩ” - Bút ký - Giải A xuất sắc Cuộc thi tác phẩm về đề tài: Lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng toàn quốc (1990 - 1995); “Chăm chú” - Giải A về đề tài: Biển, đảo Trường Sa (1994); “Sóng chiến hào” - Bút ký - Giải B (Không có giải A) cuộc thi viết về Biên giới phía bắc (1988); “San hô đỏ trong lòng biển” - Giải B – Phóng sự ảnh phê bình về đề tài Biển đảo (1995 - Nam Trung Bộ); “Lính Đông Bắc” - Bút ký, Giải A cuộc thi viết về vùng biển đảo Đông Bắc; “Những người lính đảo Trường Sa” - Bút ký - Giải A cuộc thi viết về đề tài Lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng toàn quốc (1995) - Giải A của Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương và Bộ Tư lệnh Hải Quân (1996) - Giải A Đài Tiếng nói Việt Nam 1996; “Sắc xuân

Chiến khu” - Ghi chép - Giải B viết về sự đổi mới của các vùng quê cách mạng; “*Những người mẹ chiến sĩ*” - Giải B (Không có giải A) cuộc thi viết về Mẹ Việt Nam Anh hùng; “*Thời hoa đỏ*” - Tập sách in chung cùng Văn Ngải - kịch bản Truyền thanh; “*Chuyện tình bên Hòn Cấm Cãi*” - Giải A, “*Mạch Ngâm*” - Giải B, “*Quãng đời còn lại*”; Giải thưởng ảnh UBTQ Liên hiệp các Hội Văn học-Nghệ thuật Việt Nam; Giải thưởng 50 năm chặng đường nhiếp ảnh Việt Nam; Nhiều bằng FIAP, nhiều huy chương tại các cuộc thi và triển lãm ảnh trong nước, Quốc tế; Giải thưởng Văn học Nguyễn Khuyến.

- Chức vụ, nơi công tác: Nguyên Sĩ quan QĐNDVN; Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh Hà Nam; Phó Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh Hà Nam. Hiện là Chi hội trưởng Hội nhiếp ảnh Việt Nam tại Hà Nam, Giám đốc, Tổng biên tập Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nam.
- Địa chỉ: 23 Đường Trường Chinh, TX Phủ Lý (CQ); 17B Đường Quy Lưu, Minh Khai, TX Phủ Lý, Hà Nam (NR).
- Điện thoại: 0351.854 780 (CQ); 0351.854 717 (NR).
- E-mail: trinhnganlien@gmail.com.



BẠCH NGỌC LIÊN

- *Thiếu tướng*
- Bí danh: Ngọc Hữu, Vũ Quang
- Năm sinh: 31 - 4 - 1927
- Mất năm: 1986
- Quê quán: Thôn Lạc Tràng, Lam Hạ, Phủ Lý, Hà Nam.
- Trú quán: 33 Mã Mây, Hà Nội.
- Quá trình công tác: Tham gia cách mạng 7/1945, nhập ngũ 19/8/1945.

- 12/1946: Đại đội phó đại đội quyết tử Thủ đô
- 01/1947: Chính trị viên Đại đội, Trung đoàn 102
- 11/1950: Chính trị viên phó Tiểu đoàn 79, Trung đoàn 102, Sư đoàn 308
- 3/1952: Chính trị viên Tiểu đoàn
- 9/1954: Phó chủ nhiệm chính trị Trung đoàn 36, Sư đoàn 308
- 8/1957: Trưởng ban tuyên huấn Sư đoàn 308
- 1958: Thiếu tá, học Trung cao chính trị, giáo viên chính trị
- 1965: Trung tá, Chủ nhiệm khoa, Học viện Chính trị Quân sự.
- 01/1969: Trung tá, Chủ nhiệm chính trị Sư đoàn 308.
- 3/1970: Chủ nhiệm chính trị B5.
- 9/1973: Thượng tá Chủ nhiệm khoa - Học viện Chính trị Quân sự.
- 12/1978: Đại tá, phó chính ủy kiêm CNCT- BTL Đặc công
- 01/1984: Chủ nhiệm chính trị, Học viện Hậu cần
- 12/1985: Thiếu tướng, Phó Viện trưởng về chính trị - HV Hậu cần
- Khen thưởng:
 - 1947: Huân chương Chiến công hạng Hai về thành tích bắn rơi 1 máy bay
 - 1954: Sư 308 khen chiến đấu ở Điện Biên Phủ
 - 1958: Huân chương Chiến thắng hạng Hai và nhiều Huân, Huy chương và phần thưởng khác trong chống Mỹ và xây dựng Quân đội.



NGUYỄN THỊ VÂN LIÊU

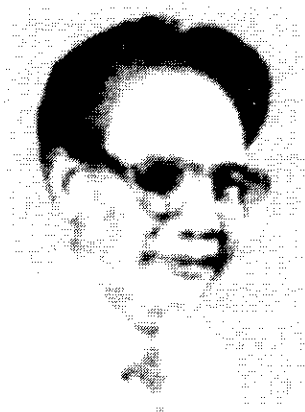
- Anh hùng lực lượng vũ trang
- Năm sinh: 1945
- Hy sinh: 27 - 5 - 1968
- Quê quán: Quyển Sơn, Kim Bảng, Hà Nam
- Truy tặng: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (10 - 4 - 2001)

• Quá trình công tác: Năm 1963, sau khi học xong cấp 2, Liễu xin vào làm công nhân nhà máy dệt Nam Định. Ngày 5-7-1965 Liễu tạm biệt nhà máy xung phong vào lực lượng thanh niên xung phong đi mở đường 20 Quyết thắng. Trong đơn vị C452 Kim Bảng, Đội TNXP 25 đầu tiên được giao nhiệm vụ làm đường sắt Cầu Giát- Thái Hoà (Nghệ An). Sau 3 tháng cùng đồng đội vượt qua thử thách hoàn thành nhiệm vụ, đơn vị được lệnh vào trong mở đường đặc biệt. Vì khai lý lịch có bố là Nguyễn Văn Bường trước 45 làm Chương bạ, sau năm 45 sợ Cách mạng xử trí, nên bỏ xứ vào Nam biệt tích, nên đơn vị bắt Liễu ở lại, nhưng Liễu cứ lẻo đẻo bám đội hình hành quân bí mật theo sau vào đến Trường Sơn. Ai cũng rung rung nước mắt cảm thương. Chị vừa khóc vừa xin đại đội được ở lại mở đường và hứa: *"Tôi quyết không làm điều gì sai trái, nếu bố tôi trong Nam có điều gì làm đường lạc lối thì tôi sẽ lập công để chuộc tội lại cho bố tôi"*. Đơn vị xin ý kiến cấp trên và nguyện vọng của Liễu được chấp nhận. Từ chiều 30 Tết năm Bính Ngọ (1966) đến 14-4-1966 sau hơn 3 tháng vật lộn chống trời với địch, với trời, với núi non cùng những hy sinh khốc liệt, con đường đã thông, đến 31-5-1966 thì thông xe với chiều dài 124km. Tháng 9 năm ấy, Vân Liễu được đề bạt Tiểu đội phó a2/C25 giữ trọng điểm của chữ A ngậm Ta Lê và đèo Phu La Nhích, mỗi ngày địch đánh

15-20 trận bằng các loại máy bay, cả B52, hy sinh gian khổ nặng nề, nhưng cả đơn vị vẫn tình nguyện ở lại với quyết tâm: "*C5 quyết tử cho cưa chữ A quyết sinh*". Tại đây Vân Liệu có sáng kiến phá bom nổ chậm bằng cách đào hố sâu luôn dưới đáy bom, đặt thuốc nổ hình phễu, cho bom nổ tung trên không, hạn chế được sát thương. Việc này của Liệu làm cho C5 phá được găm 100 quả bom, đắp 3000m³ đất, nối lại đoạn đường 700m cho thông xe. Biết tin này, Bác Hồ đã gửi tặng cho Vân Liệu 1 Huy hiệu của Người và Liệu còn được tặng Huân chương chiến công hạng Hai, được bầu là Chiến sĩ thi đua trong chiến dịch mùa khô năm 1966-1967. Sau 3 năm ở chiến trường, một số chị em được chuyển đi học may Quân nhu, nhưng Vân Liệu xin ở lại cùng đơn vị chuyển sang bộ đội công binh Đoàn 559 tiếp tục chiến đấu. Trong trận bom B52 ngày 27-5-1967 Vân Liệu bị hy sinh trong khi đang làm nhiệm vụ.

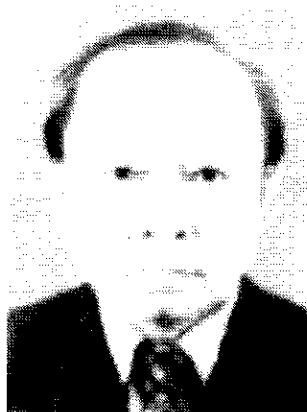
Chiến tranh qua đi, đơn vị phân tán hết, phải đến sau này, các đồng đội cũ mới có điều kiện tập hợp lại, nhớ đến chiến công xuất sắc và sự hy sinh dũng cảm của chị và lập báo cáo lên trên. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang cho Nguyễn Thị Vân Liệu ngày 10-4-2001.

Trần Tuấn Đạt



NGÔ THĂNG LONG

- Nghệ sĩ sân khấu
- Năm sinh: 03-04-1934
- Quê quán: Liên Minh, Lý Nhân, Hà Nam
Trú quán: 56 Đinh Tiên Hoàng, Hải Phòng
- Hội viên Hội NS sân khấu Việt Nam
- Vai diễn tiêu biểu: *Dương Tâm* trong vở *Gia đình cách mạng*; *Vai Linh Ngọc* trong vở *Một mạng người*; *Vai Trung Phong Vũ Hoàng* trong vở cùng tên; *Vai Ông Hai* trong vở *Lưới thép*; *Vai Cố vấn Mỹ* trong vở *Anh Trời*; *Vai Ông Công* trong vở *Trận đấu trong làng*; *Vai My Lơ* trong vở *Âm mưu tình yêu*; *Vai Phó ta cốp* trong vở *Cuộc họp Đảng uỷ*; *Vai Hồ Chí Minh* trong vở *Lịch sử và nhân chứng*; *Vai Đoàn Soa* trong vở *Mùa hè ở biển*.
- Đạo diễn các vở: *Những người mở bến*; *Hành khúc ngày và đêm*; *Trong vòng tay*; *Sóng nước cuộc đời*; *Sự căm dỗ của thần linh*.
- Địa chỉ: Đoàn kịch Hải Phòng (CQ).



NGUYỄN SINH LONG

- *Kiến trúc sư*
- Năm sinh: 28-7-1942
- Quê quán: Hà Nam
- Kiến trúc sư (1970), Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam (1979)
- Địa chỉ: 19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (CQ); 41/21 Phạm Ngũ

Lão, Thành phố Hồ Chí Minh (NR).



NGUYỄN THẾ LONG

- Tác gia
- Bí danh: Tô Xuân Nguyên
- Năm sinh: 07-12-1932
- Quê quán: Bối Cầu, Bình Lục, Hà Nam
- Trú quán: 22/VIA Vĩnh Phúc 1, Cống Vị,

Ba Đình, Hà Nội

- Thành viên Nghiên cứu và Phổ biến Tri thức Bách khoa Việt Nam
- Tác phẩm đã xuất bản: *Sách giáo dục: Hiểu thêm lịch sử* - Sách cho giáo viên (viết chung), NXB GD, 1964; *Tập làm văn lớp 4, 5* - Sách cho giáo viên (viết chung), NXB GD, 1978; *Sổ tay từ ngữ tiểu học* (viết chung), NXB GD, 1993; *Từ điển chính tả so sánh* (viết chung), NXB Hà Nội, 1996; *Đạy con ngoan*, NXB Trẻ, 1999. *Sách nghiên cứu: Danh sĩ Thanh Hoá* (viết chung), NXB Thanh Hoá, 1994; *Nho học ở Việt Nam - Giáo dục và thi cử*, NXB GD, 1995; *Chùa Hà Nội* (viết với Phạm Mai Hùng); *Nghiên cứu về đạo Phật ở Việt Nam và Hà Nội*, NXBVH-TT, 1997; *Đình, đền Hà Nội*, NXBVH-TT, 1998; *Gia đình và dân tộc*, NXB Lao động, 1999; Biên soạn *Từ điển bách khoa Việt Nam*, mục từ Văn hoá.

- *Tác phẩm xuất bản trong năm 2000: Bách khoa thư Giáo dục Hà Nội, Công trình chào mừng 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (Chủ biên); Bách khoa thư Bảo tàng, Di tích lịch sử, Thư viện Hà Nội (Chủ biên); Chuyện đi sứ và tiếp sứ thời xưa, NXB VH - TT; Hà Nội xưa qua hương ước, NXB Hà Nội.*
- Chức vụ, nơi công tác: Chuyên viên biên tập cấp cao, Trung tâm quốc gia biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam.
- Điện thoại: 04.7 629 447.



PHẠM THẾ LONG

- Thiếu tướng - Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học
- Ngày sinh: 28/03/1954
- Quê quán: Long Xuyên, Nhân Mỹ, Lý Nhân, Hà Nam
- Trú quán: Hà Nội
- Phó tiến sĩ (Liên Xô, 1982); Tiến sĩ Khoa học (Liên Xô, 1987). Phó Giáo sư (1991); Giáo sư (1996).
- Thành tích, công trình, tác phẩm chủ yếu: Tình nguyện nhập ngũ năm 1971. Tham gia chiến đấu tại Quảng Trị (1972-1973). Năm 1974 được cử sang học toán ứng dụng tại Đại học Tổng hợp Minsk (Liên Xô). Sau khi tốt nghiệp đại học (1979) được đề nghị chuyển tiếp sinh và bảo vệ luận án phó tiến sĩ tại Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học Belorutxia (1982). Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ khoa học tại trường ĐHTH Leningrad (Liên Xô, 1987). Là tác giả và đồng tác giả hơn 60 bài báo khoa học thuộc lĩnh vực điều khiển tối ưu, quy hoạch toán học và tin học đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Chủ biên một số giáo trình, sách giáo khoa cho các trường đại học, cao đẳng và phổ thông THCS. Chủ nhiệm 3 đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm về Công nghệ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 1996-2005.
- Chức vụ, nơi công tác: Phó Giám đốc Học viện KTQS (1998); Giám đốc Học viện (2007); Thiếu tướng (2006). Tổng Thư ký Hội Toán học Việt Nam (1993-2004). Hiện nay là Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam (từ 2004).
- Điện thoại: 04.7544 969, 069.515 205 (CQ); 04.8533 599 (NR)